

**HTX CÔNG NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐÔNG ĐÌNH**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/ĐĐ- KKG

V/v kê khai giá hàng hoá

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: UBND huyện Hà Trung

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

HTX công nghiệp Đông Đình gửi bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước. Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2024.

HTX công nghiệp Đông Đình xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi kê khai.

Nơi nhận:

-Như kính gửi

-Lưu VP

**HTX CÔNG NGHIỆP ĐÔNG ĐÌNH**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Văn Đông*

-Họ tên người nộp biểu mẫu: HTX công nghiệp Đông Đình

Địa chỉ: Hà Tân, Hà Trung, Thanh Hoá

Điện thoại: 0915.040.715

Email: [Nguyendong8668@gmail.com](mailto:Nguyendong8668@gmail.com)

Ghi nhận ngày nộp văn bản kê khai giá  
của cơ quan tiếp nhận

*Người nộp*

*zh*

*Vũ Thị Phiêm*

*Nhận ngày 04/01/2024*

*UF*

*Vũ Xuân Lực*

**HTX CÔNG NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ĐÔNG ĐÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 01 năm 2024

**BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ**

Kèm theo công văn số 01/ ĐĐ-KKG ngày 03/01/2024

1. Mức giá kê khai bán các loại đá tại HTX công nghiệp Đông Đình như sau:

STT	Tên hàng hoá	ĐVT	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Đá xô bờ	M3	77.000				
2	Đá 1 x 2	M3	176.000				
3	Đá hộc	M3	110.000				

Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT, được bán tại mỏ của HTX công nghiệp Đông Đình

Mức giá trên được áp dụng từ ngày 01/01/2024 cho đến khi có thông báo mới.

HTX cam kết bán đúng giá đã kê khai; khi có biến động về giá HTX sẽ có thông báo bằng văn bản.

**HTX CÔNG NGHIỆP ĐÔNG ĐÌNH**  
**HỢP TÁC XÃ**  
**CÔNG NGHIỆP**  
**ĐÔNG ĐÌNH**

**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Đông*

## BẢNG XÂY DỰNG HÌNH THÀNH MỨC GIÁ BÁN ĐÁ XÂY DỰNG

STT	Nội dung chi phí	Diễn giải				Ghi chú
		Đơn vị tính	Đơn giá cho 1m <sup>3</sup>			
			Đá xô bỏ	Đá 1*2	Đá hộc	
<b>A</b>	<b>Giá thành toàn bộ sản phẩm:</b>	đồng	64.711,6	153.054,6	94.756,6	
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	đồng	6.578	6.578	6.578	
-	Chi phí cấp quyền khai thác (trúng thầu)	đồng	6.578	6.578	6.578	
-	Chi phí đền bù GPMB	đồng				
-	Chi phí đầu tư xây dựng	đồng				
-	Chi phí đánh giá tác động môi trường	đồng				
<b>2</b>	<b>Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường</b>					
<b>3</b>	<b>Chi phí khác</b>	đồng	58.133,6	146.476,6	88.178,6	
-	Chi phí khai thác đá thô.	đồng				
-	Chi phí sản xuất tạo thành phẩm	đồng	41.630,6	120.973,6	68.675,6	Hạch toán Doanh nghiệp
-	Chi phí vận chuyển nội bộ tại bãi	đồng				
-	Phí bảo vệ môi trường	đồng	3.300	3.300	3.300	Nghị quyết số 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/07/2017 của HĐND Tỉnh Thanh Hóa
-	Thuế tài nguyên	đồng	7.000	16.000	10.000	QĐ số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/03/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
-	Chi phí thuế đất, thuê mặt nước (nếu có)	đồng	2.053	2.053	2.053	Điều 12 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014
-	Chi phí cấp phép hoạt động khoáng sản	đồng				Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016
-	Chi phí bán hàng	đồng	2.300	2.300	2.300	Hạch toán Doanh nghiệp
-	Chi phí quản lý	đồng	1.850	1.850	1.850	Hạch toán Doanh nghiệp
-	Chi phí tài chính - vốn vay	đồng				Hạch toán theo quy định Ngân hàng
<b>B</b>	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	đồng	5.288,4	6.945,4	5.243,4	Hạch toán Doanh nghiệp

<b>C</b>	<b>Thuế VAT</b>	đồng	<b>7.000</b>	<b>16.000</b>	<b>10.000</b>	Theo quy định (10%)
	<b>Giá bán (A+B+C)</b>	đồng	<b>77.000</b>	<b>176.000</b>	<b>110.000</b>	